

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 190/2025/DS-PT
Ngày: 18-03-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Hồng Vân

ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2024/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S1); địa chỉ trụ sở chính: Số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D (Tổng Giám đốc)

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Vĩnh P (Chuyên viên quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro – theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2024).

Địa chỉ liên hệ: 18A Nguyễn Hữu T, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* bị đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc B.

(Ông Ngô Vĩnh P, bà Nguyễn Thị Ngọc B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) do ông Ngô Vĩnh P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2022, bà Nguyễn Thị Ngọc B có ký với Ngân hàng 01 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị Ngọc B, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng như sau: hạn mức sử dụng là: 30.000.000 đồng; mục đích: tiêu dùng cá nhân; lãi suất thẻ: 2,6%/tháng (=31,2%/năm); phương thức thanh toán: chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và/hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Ngân hàng đã giải ngân cho bà B số tiền 20.000.000 đồng (nhận tiền mặt tại quầy giao dịch của Ngân hàng) theo Giấy rút tiền số TT22179XZW29 ngày 28/6/2022 và cấp phát thẻ tín dụng, số thẻ 356480-0796, số CardCode 3646261242 theo Phiếu yêu cầu ngày 27/6/2022.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Ngọc B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.430.000 đồng, có bảng sao kê số thẻ 356480-0796. Ngân hàng đã thông báo biến động số dư trên thẻ về số điện thoại mà bà B đã đăng ký là 0354498960.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị Ngọc B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 20.308.338 đồng thì ngưng không thanh toán nữa. Riêng giấy nộp tiền ngày 11/10/2022 do bà B cung cấp thể hiện số tiền đã nộp là 1.804.000 đồng, tuy nhiên nội dung chuyển tiền là nạp ví điện tử “napvidientu” nên hiện tại số tiền này vẫn còn trên ví điện tử của bà B, Ngân hàng không thu khoản tiền này. Do đó, bà B có thể ra quầy giao dịch của Ngân hàng rút tiền về hoặc chuyển trả nợ cho Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị Ngọc B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ Điều 20, Điều 24 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Theo quy định tại mục 24.4 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, thì khi có vi phạm xảy ra Ngân hàng được quyền “*Tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ ... khởi kiện chủ thẻ*”. Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn.

Nay, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B phải hoàn trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền tạm tính đến hết ngày 20/6/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc B còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 15.966.791 đồng; lãi vay: 12.749.193 đồng; tổng cộng: 28.715.984 đồng; yêu cầu bà B phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 21/6/2024 theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán hết

toàn bộ số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Ngày 28/6/2022, bà có vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, mỗi tháng trả số tiền 1.844.000 đồng. Cùng ngày 28/6/2022, bà đã nhận tiền mặt tại quầy giao dịch của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng, theo Giấy rút tiền số TT22179XZW29.

Bà đã trả cho Ngân hàng A kỳ, được tổng cộng số tiền 22.112.338 đồng, theo phương thức nộp tiền trực tiếp tại quầy giao dịch của Ngân hàng, cụ thể:

- Ngày 11/7/2022 trả số tiền 1.850.000đồng;
- Ngày 10/8/2022 trả số tiền 1.843.340đồng;
- Ngày 12/9/2022 trả số tiền 1.847.000đồng;
- Ngày 11/10/2022 trả số tiền 1.804.000đồng;
- Ngày 11/11/2022 trả số tiền 1.846.332đồng;
- Ngày 12/12/2022 trả số tiền 1.846.666đồng;
- Ngày 11/01/2023 trả số tiền 1.850.000đồng;
- Ngày 13/02/2023 trả số tiền 1.850.000đồng;
- Ngày 13/3/2023 trả số tiền 1.841.000đồng;
- Ngày 11/4/2023 trả số tiền 1.846.000đồng;
- Ngày 11/5/2023 trả số tiền 1.844.000đồng;
- Ngày 12/6/2023 trả số tiền 1.844.000đồng;

Ngoài ra, giữa bà và Ngân hàng không còn giao dịch nào khác.

Bà xác định chữ ký “Bé” chữ viết “Nguyễn Thị Ngọc B” tại mục chữ ký và họ tên của chủ thẻ chính tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 13/6/2022 là chữ ký và chữ viết của bà. Mặc dù, bà có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng, nhưng bà chỉ vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng, không vay số tiền 30.000.000 đồng. Bà hoàn toàn không rút tiền trong thẻ. Bà có sử dụng và đăng ký báo biến động số dư qua số điện thoại 0354498960, có nhận thông báo tin nhắn biến động số dư, nhưng bà xác định bà không sử dụng số tiền trong thẻ tín dụng như Ngân hàng đã trình bày nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2024/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị Ngọc B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 20/6/2024 là 28.715.984 đồng, trong đó nợ gốc là 15.966.791đồng, nợ lãi là: 12.749.193 đồng.

Kể từ ngày 21/6/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận quy định tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 13/6/2022” cho đến khi thanh toán xong hết nợ.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi nếu chậm thi hành án, án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/01/2025, bà Nguyễn Thị Ngọc B kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: mặc dù con của bà có sử dụng điện thoại của bà, nhưng sử dụng để chơi trò chơi trên điện thoại; còn thẻ tín dụng bà vẫn trực tiếp quản lý, nhưng không sử dụng để rút tiền hay chuyển tiền, nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ông Ngô Vĩnh P trình bày: Ngân hàng đều thông báo biến động số dư trên thẻ đến số điện thoại mà bà B đã đăng ký. Việc bà B nạp tiền mặt, số tiền 1.804.000 đồng vào ngày 11/10/2022 tại quầy giao dịch của Ngân hàng có nội dung là nạp ví điện tử “napvidientu”, Ngân hàng đã nhiều lần giải thích đề nghị bà B cho chuyển khoản tiền này sang để thanh toán nợ thẻ nhưng bà B không hợp tác, không nghe giải thích của nhân viên Ngân hàng nên đến nay số tiền này vẫn còn nằm trong tài khoản ví điện tử của bà B.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc B đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: bà B kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh, trong khi theo bảng sao kê do Ngân hàng cung cấp thì bà B có thực hiện các giao dịch chuyển tiền qua thẻ tín dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc B thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, các đương sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, thì các tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Ngọc B có ký kết giao dịch vay tiền, theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 13/6/2022” (các bút lục từ số B, 71); Ngân hàng đã cấp phát thẻ tín dụng, số thẻ 356480-0796, số CardCode 3646261242 cho bà B, theo Phiếu yêu cầu ngày 27/6/2022 (bút lục số 47); số điện thoại di động của bà B đăng ký nhận thông báo từ Ngân hàng là số 0354498960 (bút lục số 36); Ngân hàng đã giải ngân cho bà B số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức bà B nhận tiền mặt tại quầy giao dịch của Ngân hàng, theo Giấy rút tiền số TT22179XZW29 ngày 28/6/2022 (bút lục số 59); bà B đã đóng tiền gốc và lãi cho Ngân hàng được tổng cộng số tiền 20.308.338 đồng (các bút lục số 59-65).

[4] Các đương sự còn tranh chấp số tiền 13.430.000 đồng mà Ngân hàng cho rằng bà B đã sử dụng thẻ tín dụng để thanh toán và mục đích số tiền 1.804.000 đồng bà B đã nộp cho Ngân hàng vào ngày 11/10/2022.

[5] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc B cho rằng không rút tiền từ thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: theo bảng sao kê chi tiết số thẻ 356480-0796 do Ngân hàng cung cấp (các bút lục số 50, 54-57), có thể hiện bà B đã giao dịch với tổng số tiền là 13.430.000 đồng. Bà B thừa nhận rằng, bà có nhận được thông báo của Ngân hàng trên điện thoại di động của bà (số điện thoại 0354498960) mỗi khi có biến động số dư trên thẻ tín dụng (bút lục số 75), nhưng bà lại không có phản ánh gì đến Ngân hàng về việc các thông báo này là không chính xác. Cho đến khi Ngân hàng khởi kiện, thì bà B nại rằng không biết và không có giao dịch thẻ là không hợp lý. Mặt khác, theo bảng sao kê thể hiện, đa số các giao dịch trên thẻ tín dụng của bà B là chuyển tiền vào tài khoản của số điện thoại 0325951729 mạng Viettel mang tên con của bà B là Nguyễn Thị Kim T1 và số điện thoại 0973959306 mạng Viettel mang tên chồng của bà B là Nguyễn Văn H. Do đó, tại đoạn [2.3] phần nhận định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định rằng, việc bà B không thanh toán theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 20, Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, làm cho quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm, từ đó, áp dụng Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 để buộc bà B phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng, là hoàn toàn có căn cứ pháp lý. Bà B kháng cáo, nhưng lại không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà B.

[6] Đối với giấy nộp tiền ngày 11/10/2022 do bà B cung cấp thể hiện số tiền đã nộp là 1.804.000 đồng, tuy nhiên nội dung chuyển tiền là nạp ví điện tử “napvidientu”, do đó, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bà B cho rằng đây là tiền trả nợ vay thẻ tín dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B cũng không đồng ý với đề nghị của Ngân hàng cho chuyển số tiền này sang thanh toán cho khoản tiền mà bà B đang còn nợ. Ngân hàng xác định không thu khoản tiền này và hiện tại số tiền này vẫn còn trên ví điện tử của bà B. Do đó, bà B có quyền đến Ngân hàng rút lại số tiền này.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà B phải chịu do bị bác kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc B.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2024/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007360 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục